

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày: 10-7-2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1984; Nơi sinh: Châu Đốc – An Giang; Nơi cư trú: Tổ 15, khóm V phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích T; vợ là Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1985 (đã ly hôn); đang chung sống như vợ chồng với nguyên Thị Thùy D; Có 01 người con, sinh năm 2005.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 18/02/2020 Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đang chấp hành.

Bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, có mặt.

Về nhân thân: Ngày 11/9/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”; Ngày 08/01/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 23/11/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 02 năm tù về tội

“Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ 5, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khóm Châu Long 7, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Trần Thanh N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 6, Quang Trung, tổ 5, khóm 5, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang;

- Ông Huỳnh Cẩm L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 13, khóm 5, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ 25, khóm 6, phường A, thành phố , tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 23, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 371, đường 955A, khóm V, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người làm chứng:

- Bà Thái Thị Kim C, sinh năm 1964, vắng mặt;

- Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1986, vắng mặt;

- Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1960, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc G nghiện ma túy, cần tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, đã 02 lần lấy trộm tài sản của Nguyễn Thị Bích T (mẹ ruột của G; cư trú tổ 5, khóm Châu Thới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc):

Lần 1: Khoảng 09 giờ một ngày đầu tháng 12/2019, Nguyễn Ngọc G dùng kéo kim loại, cắt mái tole lên vào nhà của Nguyễn Thị Bích T, lấy trộm 21.100.000 đồng; 01 máy tính bảng IPAD (trị giá 8.000.000 đồng); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6 (trị giá 2.000.000 đồng); G nhờ Nguyễn Quang Quân (bạn của G) bán máy tính bảng IPAD tại cửa hàng điện thoại di động “Thanh Nhân” (khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc), giá

1.500.000 đồng, Q đưa tiền cho G; điện thoại di động IPHONE 6, G bán cho Huỳnh Cẩm L (bạn của G) giá 1.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 18 giờ một ngày sau, G tiếp tục lấy trộm của T 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1-335.30; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu SEIKO; 02 chai rượu nhãn hiệu HENESSY và REMY MARTIN; G đem xe mô tô 67E1-335.30 sang Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia, bán cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) giá 12.000.000 đồng; G bán điện thoại di động NOKIA 6303 – CI cho Nguyễn Công V (bạn của G) giá 200.000 đồng; G nhờ Q bán 02 chai rượu cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) giá 1.500.000 đồng; G gửi Nguyễn Thùy D (sống như vợ chồng với G) cất giữ đồng hồ đeo tay SEIKO.

Phát hiện mất trộm, Huỳnh Thanh T (người giúp việc nhà cho Nguyễn Thị Bích T) điện thoại báo cho T, trình báo Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu SEIKO; 02 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6, NOKIA 6303-CI; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 67E1-141.64; 02 cây kéo bằng kim loại (thu giữ tại hiện trường).

Kết luận định giá tài sản số 409/BB-ĐG và số 13/BB-ĐG ngày 16/12/2019, ngày 09/01/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave anpha , màu xanh đen bạc, biển số 67E1-335.30 số khung 390HY691025, số máy JA39E0671155 đã qua sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 16GB, màu vàng gold đã qua sử dụng có giá trị 2.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6303 Ci màu vàng đồng đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng.

- 01 Ipad E2 màu vàng gold đã qua sử dụng có giá trị 800.000 đồng.

- 01 đồng hồ đeo tay kiểu nữ, nhãn hiệu Seiko màu vàng đã qua sử dụng có giá trị 400.000 đồng.

- 01 chai rượu Hennessy 03 lít chưa sử dụng và 01 chai rượu Resmy Martin 01 lít chưa sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng.

Cộng 16.500.000 đồng.

Ngày 10/3/2020 Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với G.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS-CD ngày 08/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Ngọc G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, bị cáo nảy sinh ý định trộm tài sản của mẹ ruột, vào đầu tháng 12/2019 biết bà T đi du lịch, nhà không có người trông coi, bị cáo leo lên nóc nhà dùng kéo cắt mái tôn đột nhập vào nhà, vào phòng ngủ mở tủ đầu giường lấy trộm 21.100.000 đồng, máy tính hiệu Ipad, 01 điện thoại hiệu Iphone để trên đầu tủ tivi và lấy chìa khóa mở cửa sau ra ngoài. Ngày hôm sau bị cáo quay lại dùng chìa khóa mở cửa sau lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 67E1-335.30, điện thoại hiệu Nokia, 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Seiko, 02 chai rượu hiệu Hennessy, Remy Martin. Tất cả tài sản đem bán lấy tiền chơi game bắn cá, tiêu xài cá nhân, riêng đồng hồ đưa cho Nguyễn Thùy D giữ.

Bị hại Nguyễn Thị Bích T khai: Tài sản bị mất trộm đúng như bị cáo khai nhận, riêng tiền Việt Nam bị mất trộm là 58.200.000 đồng; bà đã nhận lại 01 điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại Nokia, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67E1-141.64, không yêu cầu bồi thường thêm. Ngoài ra không có ý kiến khác về kết luận định giá và không có chứng cứ chứng minh G lấy trộm số tiền 58.200.000 đồng.

Người làm chứng bà Huỳnh Thanh T khai: Bà là người giúp việc cho bà T, ngày 31/11/2019 bà Thuận có việc đi thành phố Hồ Chí Minh, ngày hôm sau gia đình bà có việc nên không đến nhà bà T dọn dẹp, đến sáng ngày 04/12/2019 bà đến nhà dùng chìa khóa mở cửa chính nhưng không mở được nên đi vòng ra phía sau nhà thì thấy cửa sau mở, bà đi vào trong phát hiện đồ đạc trong nhà bị xáo trộn và xe mô tô biển số 67E1-335.30 của bà T dựng trong nhà bị mất nên điện thoại báo cho bà T biết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang Q, Nguyễn Công V, Huỳnh Cẩm L, Nguyễn Thanh H khai: Khi thực hiện giao dịch với bị cáo Quân mua máy tính Ipad giá 1.500.000 đồng và bán dùm bị cáo 02 chai rượu giá 1.500.000 đồng; L mua 01 điện thoại Iphone 6 giá 1.000.000 đồng; Việt mua 01 điện thoại Nokia 200.000 đồng, H chuộc lại điện thoại từ V, còn D cất giữ 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Seiko đều không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có và đã tự nguyện giao nộp lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã giao dịch.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Hội đồng xét xử công bố Kết luận Định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt.

Phát biểu quan điểm luận tội: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều

173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lén lút trộm tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu đã 03 lần bị kết án và đã bị áp dụng biện pháp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, do đó cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 02 cây kéo bằng kim loại là công cụ bị cáo sử dụng phạm tội;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận. tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai, cần tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng nên nảy sinh ý định trộm tài sản, lợi dụng lúc bà T đi vắng, bị cáo dùng kéo cắt mái tôn vào nhà lấy trộm tài sản.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm bản ảnh khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản số 409/BB-ĐG, ngày và số 13/BB-ĐG ngày 16/12/2019 và ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Về số tiền bị mất trộm, bị hại bà T khai là 58.200.000 đồng, bị cáo chỉ thừa nhận 21.100.000 đồng, ngoài lời khai thì bà Thuận không có chứng cứ khác để chứng minh nên được xác định theo lời khai của bị cáo cũng như đối với 02 chai rượu nhãn hiệu HENESSY, REMY MARTIN không rõ xuất xứ, năm sản xuất nồng độ cồn trong rượu không thu hồi được nên không xác định được giá trị, theo lời khai bị cáo và ông Quân bán cho người đàn ông không rõ họ tên là 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Thuận là 37.850.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu ngày 11/9/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”; Ngày 23/11/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc kết án 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 08/01/2004 bị Tòa án nhân dân thành

phố Châu Đốc kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong và được xóa án tích.

[5] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, ngoài ra bị cáo là người nhiều lần vi phạm pháp luật nhưng không sửa đổi. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không có nghề nghiệp, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Do người bị hại đã nhận lại tài sản cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Q, ông Nguyễn Công V, ông Huỳnh Cẩm L không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Đối với 02 cây kéo bằng kim loại đã qua sử dụng là công cụ bị cáo phạm tội không có giá trị, xét tịch thu, tiêu hủy.

[8] Vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Quang Q, Nguyễn Công V, Huỳnh Cẩm L khi tham gia giao dịch đối với bị cáo và bà Nguyễn Thùy D là người giữ tài sản không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 117 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Ngọc G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc G 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc G được miễn thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc còn lại theo Quyết định áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 16/QĐ-TA ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy :

- 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, có tổng chiều dài 17,5cm, lưỡi kéo dài 7,5cm, sắc một cạnh, mũi nhọn, thân kéo và tay cầm có chiều dài 10cm, đã qua sử dụng;

- 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài 23,3cm, lưỡi kéo dài 14,3cm, sắc một cạnh, mũi nhọn, phần tay cầm dài 09cm, được ốp nhựa màu đen có dòng chữ màu trắng Độc quyền kéo Tổng Kim L, đã qua sử dụng

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Ngọc G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Ngọc D, Trần Thanh N, Huỳnh Cẩm L, Nguyễn Quang Q, Nguyễn Công V, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh H là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Bích Thủy